TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2021/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 171/2021/TLST/ HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa :

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N; Sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn L T, xã T Ố, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn D; Sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn L T, xã T Ố, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hà Thị N và anh Hà Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Hà Văn D đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hà Thị N và anh Hà Văn D tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Dương T, sinh ngày 03/12/2016 cho đến khi thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hà Thị N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Hà Thị N và anh Hà Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Hà Thị N và anh Hà Văn D tự nguyện thỏa thuận: Chị Hà Thị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho chị Hà Thị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0007642 ngày 30/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B T.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ksy kết hôn;
....
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên